

Bản án số: **01/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 12 - 10 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Minh
2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T - sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện trú tại: Tổ dân phố Y, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn Th - sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và anh Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/4/2006. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi hạnh phúc được thời gian đầu đến khi cháu T khoảng 5 tuổi thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng tôi có quan hệ bất chính

với người phụ nữ khác và hay uống rượu về nhà chửi bới tôi. Tôi đã tha thứ cho chồng tôi rất nhiều lần nhưng anh Th vẫn không thay đổi, nếu cứ sống chung chỉ làm cho mâu thuẫn thêm căng thẳng, ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập của các con. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Tôi và anh Th có hai con chung là Đỗ Thị Anh T - sinh ngày 20/02/2007 và Đỗ Anh M - sinh ngày 12/3/2012. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng với tôi. Nguyên vọng tôi là được trực tiếp, chăm sóc cả hai con. Hiện tại tôi có thu nhập từ lương và các khoản khác từ việc làm giáo viên tại Trường mầm non 20/10 thành phố Đ, tỉnh Điện Biên tổng thu nhập là 12.000.000 đồng/tháng, đủ để tôi trang trải cuộc sống và nuôi các con ăn học. Hiện anh Th làm công việc là lái máy xúc cho Công ty N. Ban đầu tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng cho cháu M. Tuy nhiên do anh Th không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có thiện chí trong việc giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến thu nhập của anh Th nên tôi xin thay đổi ý kiến của mình về phần cấp dưỡng nuôi con. Cho đến nay tôi không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung (phải trả, lấy về): Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 04/8/2021 và phiên hòa giải ngày 13/8/2021 bị đơn trình bày:

Vợ chồng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/4/2006. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tôi làm ăn thua lỗ, có chơi bời, để vợ tôi hiểu lầm nên vợ tôi có làm đơn ly hôn với tôi. Tôi không thừa nhận việc có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không đánh đập vợ con, tôi xét thấy tôi vẫn còn tình cảm với vợ, con, chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên vợ tôi đã tự bỏ nhà và dẫn các con đi ra thuê nhà ở ngoài, tôi không biết hiện nay 3 mẹ con đang ở đâu. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Tôi không đồng ý ly hôn với cô T.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là Đỗ Thị Anh T - sinh ngày 20/02/2007 và Đỗ Anh M - sinh ngày 12/3/2012. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng với cô T. Trường hợp cô T vẫn kiên quyết xin ly hôn tôi tạm đồng ý để cho vợ nuôi cả hai cháu, tôi chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho cháu M nếu cô T đưa các con về nhà ở để đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho các con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Đối với bị đơn: Vắng mặt tại phiên hòa giải lần 2 và phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà T được ly hôn với ông T.

- Đối với con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Đỗ Thị Anh T - sinh ngày 20/02/2007 và Đỗ Anh M - sinh ngày 12/3/2012 cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản và nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn với ông Th có nơi cư trú tại Tổ dân phố Y, phường Th, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ: Lấy lời khai của đương sự, xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Sau phiên tòa lần 1, do bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 1, ngày 03/4/2006 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời

khai của các đương sự xác định: Bà T và ông Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 03/4/2006 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn và tình trạng hôn nhân: Bà T khai nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông Th có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và hay uống rượu chửi bới bà. Tại phiên tòa bà T xin rút lại ý kiến của mình về việc ông Th ngoại tình vì không muốn ảnh hưởng đến gia đình của người khác. Ông Th cho rằng mình vẫn còn tình cảm với vợ, không đồng ý ly hôn nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chỉ có mặt tại phiên hòa giải lần 1, vắng mặt tại phiên hòa giải lần 2 và phiên tòa lần 1 không có lý do. Đây cũng thể hiện việc ông Th chưa thực sự muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, quá trình hòa giải các đương sự đều thừa nhận hiện vợ chồng đã có mâu thuẫn từ nhiều năm nay và hiện đã sống ly thân. Do đó có căn cứ để xác định việc ông Th, bà T đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Th.

[3.2] Về con chung: Bà T, ông Th có hai con chung là Đỗ Thị Anh T - sinh ngày 20/02/2007 và Đỗ Anh M - sinh ngày 12/3/2012. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng bà T.

Tại đơn khởi kiện ban đầu bà T yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng đối với cháu M. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu: đến nay không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng của bà T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và có ý kiến nếu bà T vẫn kiên quyết ly hôn thì ông Th tạm đồng ý để vợ nuôi hai con và chỉ đồng ý cấp dưỡng cho cháu M là 2.000.000 đồng/tháng nếu bà T đưa các con về nhà ở.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của bà T là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu T và cháu M nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản và nợ: Do bà T và ông Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Đỗ Văn Th.

2. Về con chung: Bà Hoàng Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Anh T - sinh ngày 20/02/2007 và Đỗ Anh M - sinh ngày 12/3/2012 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001615 ngày 09/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/10/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã H, h. K, t. Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ